

Tuần Giáo, ngày 02 tháng 01 năm 2018.

Số: 04/2018/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2017/TLST-HN&GD ngày 05 tháng 12 năm 2017, giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Lê Thị N; sinh năm 1970; địa chỉ: Bản B, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên.

+ Bị đơn: Anh Trương Ngọc D (Trương Văn D); sinh năm 1968; địa chỉ: Bản B, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm a, điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N, anh Trương Ngọc D (Trương Văn D).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Thống nhất giao cháu Trương Ngọc D, sinh ngày 20/9/2003 cho anh Trương Ngọc D (Trương Văn D) trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Chị Lê Thị N chưa cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Lê Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

2.2. *Về tài sản chung*: Chị Lê Thị N, anh Trương Ngọc D đã tự thỏa thuận, không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về nợ chung*: Chị Lê Thị N, anh Trương Ngọc D, không yêu cầu Tòa giải quyết.

2.4. *Về án phí*: Chị Lê Thị N tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là: 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2010/05484 ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Chị Lê Thị N được hoàn lại số tiền chênh lệch là: 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- UBND thị trấn T;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Việt Hương